

Bản án số: 109/2018/HS-PT

Ngày: 29-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Ông **Bùi Trọng Danh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 82/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2018/HS-ST ngày 04 tháng 04 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 08 năm 1995 tại Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: K119/09/02 X, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm C (s) và bà Mai Thị Tuyết H (s); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt giam ngày 23/8/2017; có mặt tại phiên tòa.

Đào Quang Đ1, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1995 tại Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: K119/09/02 X,

phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: không xác định và bà Phạm Thị B (s); Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 24/5/2017, được trả tự do ngày 25/5/2017, Bắt tạm giam lại ngày 23/8/2017, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đào Quang Đ1 có ông Lê Văn A, Luật sư văn phòng luật sư Lê Văn A, thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 4.2017 thông qua mạng xã hội Phạm Văn Đ quen biết với người có nick facebook là “V L” (qua trao đổi thì Đ được người này cho biết tên là Hà Thị Mai L, nhưng không rõ lai lịch, có số điện thoại 0907.705.555) và nhận bán cho L loại thảo mộc thơm ở khu vực thành phố Đà Nẵng với mức lương 8.000.000 đồng/01 tháng L giới thiệu cho Đ một người tên V (chưa rõ lai lịch có số điện thoại 01215.000.269) sẽ là người điều hành việc mua bán. Ngày 25.4.2017, L chuyển cho Đ 40kg loại thảo mộc này cùng một số dụng cụ để phân chia, đóng gói đến phòng trọ của Đ tại K119/09/02 X, phường N, quận C, TP. Đà Nẵng. Sau khi nhận được hàng, Đ thấy đây là các loại thân, là cây được cắt vụn, có mùi thơm, Đ nghi ngờ đây là ma túy, hay gọi là “CỎ”, Đ mang ra sử dụng thử thì thấy có cảm giác gây kích thích thần kinh, lâng lâng kéo dài 15-20 phút, Đ lên mạng internet tìm hiểu thì biết đây là ma túy Cần sa, khi sử dụng gây kích thích thần kinh và gây nghiện. Biết đây là ma túy nhưng do thiếu tiền trả nợ nên Đ vẫn thực hiện việc mua bán. Việc mua bán của Đ đều do V chỉ đạo về địa điểm, thông báo về người mua, số lượng ma túy để Đ chuẩn bị và đi bán. Ngày 09.5.2017, Đào Quang Đ1 là bạn của Đ đến ở cùng với Đ. Sau đó, Đ1 phát hiện trong phòng có ma túy nên hỏi Đ và Đ nói đây là “CỎ” và dặn Đ1 không nói với ai. Lúc này, Đ1 nhận thức được đây là ma túy nên khuyên Đ đừng bán nữa, Đ nói với Đ1 do đang thiếu nợ nên phải bán ma túy để có tiền trả nợ, sau khi trả xong nợ sẽ không bán nữa. Sau đó Đ1 cũng tham gia vào việc bán ma túy với Đ để giúp Đ có tiền trả nợ và Đ trả tiền thuê trọ cho Đ1. Đ và Đ1 đem số ma túy trên ra pha trộn và đóng gói theo hướng dẫn của V để đi bán gồm loại gói có trọng lượng 500 gam tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng, loại 100

gam với giá tiền 1.000.000 đồng và các gói nhỏ hơn với giá tiền 200.000 đồng. Khi pha trộn, Đ và Đ1 đóng chặt cửa phòng và mở nhạc to để tránh bị phát hiện. Sau đó, Đ và Đ1 đem loại ma túy này ra sử dụng và đều có cảm giác kích thích thần kinh, lâng lâng, do sợ bị nghiện nên Đ1 không sử dụng nữa. Đ dẫn Đ1 khi đi bán phải quan sát, chọn nơi vắng vẻ, tối để giao nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện. Tổng trọng lượng ma túy Đ và Đ1 bán được khoảng 4-5kg thu được số tiền 20.000.000 đồng và Đ đã tiêu xài hết. Đến khoảng 21h00' ngày 24.5.2017, tại khu vực gác chắn xe lửa đường S, phường N, quận C, khi Đ1 đang có hành vi bán 01 gói nilong màu bạc bên trong có 0,5kg ma túy với giá 5.000.000 đồng cho Lữ Văn M (sn: 22.3.1999, trú: xã X1, huyện T, T. Quảng Nam) và Nguyễn Ngọc S (sn: 25.02 1998, trú Thôn T, xã H, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam) thì bị tổ tuần tra Công an phường N phát hiện bắt quả tang. Đến 22h45' cùng ngày, qua khám xét khẩn cấp tại phòng trọ của Đào Quang Đ1 thì Cơ quan Công an phát hiện và thu giữ: 02 túi giấy có kích thước 15x20x7cm bên trong có chứa thực vật khô nghi là chất ma túy, đã được niêm phong và kí hiệu L1; 01 thùng cattong nhãn hiệu Solite bên trong có chứa 05 bao nilong bên trong đều chứa thực vật khô nghi là chất ma túy, đã được niêm phong kí hiệu L2; 01 thùng cattong nhãn hiệu Vinataba bên trong có chứa 17 túi nilong màu bạc, đều chứa thực vật khô nghi là chất ma túy, kí hiệu L3; 02 bao tời màu vàng bên trong có chứa thực vật khô nghi là chất ma túy kí hiệu L4; 01 thùng cattong nhãn hiệu Vinataba Cát Lợi bên trong có chứa 46 gói dạng bao bì đựng cà phê có chứa thực vật khô nghi là chất ma túy, kí hiệu L5; 01 thùng cattong nhãn hiệu EMS bên trong có 23 gói nilong có chứa thực vật khô nghi là chất ma túy, kí hiệu L6; 01 chai dung dịch lỏng màu trắng có tên gọi hỗn hợp các chất tạo hương giống tự nhiên thể tích 01 lít; Bao nilong các loại, máy hàn bao nilong, cân loại 05 kg.

* Theo Kết luận giám định số 342/C54C (Đ4) ngày 30.5.2017 và số 365/C54C (Đ4) ngày 16.6.2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Phần thân, là chất thực vật khô thu giữ được không tìm thấy các chất ma túy thường gặp, có tìm thấy thành phần chất AMB-FUBINACA (là một loại cần sa tổng hợp có tác dụng tương tự hoạt chất Delta 9-THC) hiện không nằm trong danh mục các chất ma túy do Chính phủ Việt Nam ban hành, có trọng lượng tổng cộng là 33,86 kg.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HSST ngày 04/04/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 06 (sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đào Quang Đ1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Nhưng được trừ đi một ngày tạm giữ trước đó (từ ngày 24/5/2017 đến ngày 25/5/2017). Bị cáo Đào Quang Đ1 còn phải chấp hành hình phạt 05 (năm) năm 05 (năm) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, phần án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 12 tháng 04 năm 2018, bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19 tháng 04 năm 2018, bị cáo Đào Quang Đ1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 thì thấy trong tháng 4/2017 và tháng 5/2017 các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 đã có hành vi tàng trữ để mua bán 33,86 kg thực vật khô là ma túy cần sa. Do đó, án sơ thẩm xử bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 06 (sáu) năm tù, xử phạt bị cáo Đào Quang Đ1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 điều 355 và Điều 356 của BLTTHS 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Đ, Đào Quang Đ1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho Đào Quang Đ1 cho rằng trước khi nhận bán hàng cho bị cáo Đ thì Đ1 chỉ biết đó là thảo mộc, cỏ khô. Sau khi bị bắt cơ quan điều

tra hướng dẫn cho bị cáo khai là ma túy, thì lúc đó bị cáo mới biết đó là ma túy cần sa. Cấp sơ thẩm không làm rõ thời điểm bị cáo Đ1 nhận thức biết được đó là ma túy từ khi nào, vì qua kết quả giám định 33,86 kg thực vật khô thu giữ tại nhà Đ và Đ1 đang ở thì không tìm thấy chất ma túy thường gặp. Tại bản án sơ thẩm xác định bị cáo Phạm Văn Đ không có nghề nghiệp. Nhưng thực tế nghề nghiệp của bị cáo là sinh viên. Vì cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 358 BLTTHS hủy toàn bộ bản án để điều tra lại.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn Đ, Đào Quang Đ1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 khai nhận: từ tháng 4 đến tháng 5/2017 Phạm Văn Đ thông qua mạng xã hội để quen biết với một người có nick facebook là “V L” tên thật là Hà Thị Mai L (không rõ địa chỉ). L giới thiệu cho Đ một người tên V (không rõ lai lịch) điều hành việc pha chế thảo mộc khô thành ma túy cần sa để mua bán cho các con nghiện và trả lương mỗi tháng cho Đ là 8.000.000 đồng. Số tiền bán được Đ chuyển khoản qua ngân hàng cho L và V. Phạm Văn Đ rủ rê, lôi kéo Đào Quang Đ1 cùng tham gia phạm tội và đến ở cùng phòng trọ với Đ. Ngày 24/5/2017 khi Đào Quang Đ1 đang thực hiện hành vi bán 0,5kg thực vật khô với giá 5.000.000 đồng cho Lữ Văn M thì bị bắt quả tang. Tại nhà ở nơi các bị cáo thuê trọ K119/09/02 đường X, phường N, cả hai bị cáo đang tàng trữ 33,86 kg thảo mộc khô, nên sau đó bị cơ quan điều tra thu giữ. Qua giám định tuy không tìm thấy các chất ma túy thường gặp, nhưng có tìm thấy thành phần ABM-FUBINACA, là một loại cần sa tổng hợp có tác dụng tương tự hoạt chất Delta 9- THC, do Đ và Đ1 đã sử dụng thấy có cảm giác gây kích thích thần kinh và gây nghiện, từ đó Đ và Đ1 ý thức rằng chất đó là chất ma túy, sau khi đã được pha chế thành cỏ Mỹ. Tại điều 1 thông tư liên tịch số 08, ngày 14/11/2015 hướng dẫn: Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, *nhưng người thực hiện hành vi phạm tội ý thức rằng chất đó là chất ma túy* hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng. Do đó, bản án sơ thẩm số

29/2018/HSST ngày 04/04/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 thì thấy: Do lười biếng lao động và cả hai đều đã sử dụng ma túy. Muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã thuê nhà ở K làm nơi tàng trữ và pha chế cỏ Mỹ, Đây là khu vực có nhiều con nghiện có nhu cầu mua ma túy để sử dụng. Các bị cáo hành nghề pha chế theo công thức do V và L hướng dẫn gồm nguyên liệu thảo mộc khô và một loại dung dịch nước, đóng trong chai do L cung cấp, pha chế thành cỏ Mỹ. Quá trình pha chế các bị cáo đóng chặt cửa lại và mở nhạc to để tránh bị phát hiện. Khi pha trộn, đóng gói xong thì bỏ vào bao có nhãn mác “cà phê” và đóng thùng cất giấu, tìm nơi vắng vẻ, trời tối để bán cho các con nghiện, thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo hết sức liều lĩnh, xem thường pháp luật, xâm phạm trật tự xã hội. Do đó đối với bị cáo cần phải xử phạt thỏa đáng. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ mức án 06 năm tù, xử phạt bị cáo Đào Quang Đ1 mức án 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, không nặng. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như ý kiến đề nghị của vị luật sư, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của BLTTHS 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 06 (sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Đào Quang Đ1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nhưng được trừ đi một ngày tạm giữ trước đó (từ ngày 24/5/2017 đến ngày 25/5/2017). Bị cáo Đào Quang Đ1 còn phải chấp hành hình phạt 05 (năm), năm 05 (năm) tháng, 29 (hai mươi chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

2. Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Phạm Văn Đ và Đào Quang Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng HSNV-CA TP ĐN (PV27);
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- TAND quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Các Bị cáo;
- Sở tư pháp TPĐN;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Đức Kỳ

